

**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2011**

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10 - 39

00 x 0000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty đã điều hành Tổng Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Trịnh Xuân Thanh	Chủ tịch
Ông Vũ Đức Thuận	Ủy viên
Ông Nguyễn Ngọc Quý	Ủy viên
Ông Bùi Tiến Thành	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Lê Hồng Thái	Ủy viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2011)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Bà Nguyễn Việt Nga	Ủy viên (bỏ nhiệm ngày 26 tháng 7 năm 2011)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Vũ Đức Thuận	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Trung Trí	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 22 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Duyên Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Đồng	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2011)
Ông Trương Quốc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 8 tháng 7 năm 2011)
Ông Nguyễn Anh Minh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 5 tháng 01 năm 2011)
Ông Nguyễn Mạnh Tiến	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 9 năm 2011)
Ông Nguyễn Xuân Ánh	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 01 tháng 11 năm 2011)
Ông Nguyễn Huy Hòa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011)
Ông Nguyễn Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Bùi Tiến Thành	Phó Tổng Giám đốc (bỏ nhiệm ngày 19 tháng 4 năm 2011, miễn nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2011)
Ông Chu Văn Minh	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Phạm Hữu Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)
Ông Lý Ngọc Tuấn	Phó Tổng Giám đốc (miễn nhiệm ngày 5 tháng 5 năm 2011)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hàng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong năm. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Tổng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, *TMW*



TMW
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc *Trương Quốc Dũng*

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

01125
ÔNG
NHIỆM
ELOIT
ỆT N
7A - T

Số:  /Deloitte-AUDHN-RE

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam

Chúng tôi đã kiểm toán bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cùng với báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và thuyết minh báo cáo tài chính kèm theo (gọi chung là “báo cáo tài chính”) của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “Tổng Công ty”), từ trang 5 đến trang 39. Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc và Kiểm toán viên

Như đã trình bày trong Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc tại trang 1 và trang 2, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty có trách nhiệm lập các báo cáo tài chính. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính này dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán.

Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện công việc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không có các sai sót trọng yếu. Công việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, trên cơ sở chọn mẫu, các bằng chứng xác minh cho các số liệu và các thông tin trình bày trên báo cáo tài chính. Chúng tôi cũng đồng thời tiến hành đánh giá các nguyên tắc kế toán được áp dụng và những ước tính quan trọng của Ban Tổng Giám đốc, cũng như cách trình bày tổng quát của các báo cáo tài chính. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán đã cung cấp những cơ sở hợp lý cho ý kiến của chúng tôi.

Ý kiến

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN (Tiếp theo)

Ý kiến (Tiếp theo)

Chúng tôi xin lưu ý người sử dụng báo cáo tài chính đến vấn đề sau:

Như trình bày tại Thuyết minh số 13 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty đã ký hợp đồng xây lắp trọn gói với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí để xây dựng Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc với giá trị là 50.098.000 USD. Tổng Công ty đã thực hiện một phần giá trị hợp đồng và đã ký hợp đồng giao thầu cho Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC Hà Nội) tiếp tục thực hiện phần giá trị còn lại của công trình với giá trị là 43.291.007 USD. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, PVC Hà Nội đang trong quá trình tiếp tục thực hiện dự án này. Do có thay đổi trong thiết kế, theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán của dự án sẽ tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD) so với giá trị theo hợp đồng trọn gói Tổng Công ty đã ký. Tính đến thời điểm kiểm toán, các bên liên quan chưa thống nhất và ký chính thức phụ lục hợp đồng về giá trị bổ sung của công trình. Báo cáo tài chính kèm theo chưa bao gồm các điều chỉnh có thể có phát sinh từ sự kiện không chắc chắn nói trên.

Như trình bày tại Thuyết minh số 4 phần Thuyết minh báo cáo tài chính, Tổng Công ty áp dụng việc ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009 (“Thông tư 201”). Thông tư 201 quy định việc ghi nhận các khoản chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán có sự khác biệt so với Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái”. Ảnh hưởng của việc Tổng Công ty áp dụng Thông tư 201 đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được trình bày tại Thuyết minh số 4.



Phạm Hoài Nam
Phó Tổng Giám đốc
Chứng chỉ Kiểm toán viên số Đ.0042/KTV

Thay mặt và đại diện cho
CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 09 tháng 4 năm 2012
Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Phạm Quỳnh Hoa
Kiểm toán viên
Chứng chỉ Kiểm toán viên số 0910/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN
 Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		3.760.345.825.648	2.963.940.778.260
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	214.241.949.240	200.898.593.241
1. Tiền	111		149.241.949.240	190.898.593.241
2. Các khoản tương đương tiền	112		65.000.000.000	10.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6	6.936.563.433	450.378.533.699
1. Đầu tư ngắn hạn	121		6.936.563.433	474.289.083.699
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	(23.910.550.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.203.462.779.245	2.203.282.671.413
1. Phải thu khách hàng	131		398.362.432.702	701.210.001.978
2. Trả trước cho người bán	132		1.298.099.949.556	677.033.777.784
3. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	36.550.462.929
4. Các khoản phải thu khác	135	7	1.544.461.529.341	815.629.424.582
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(37.461.132.354)	(27.140.995.860)
IV. Hàng tồn kho	140	8	275.355.780.559	78.562.256.710
1. Hàng tồn kho	141		275.355.780.559	78.562.256.710
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		60.348.753.171	30.818.723.197
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		11.097.668.386	203.921.844
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		38.387.546.782	23.483.503.231
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		783.720	783.720
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		10.862.754.283	7.130.514.402
B. TÀI SẢN DÀI HẠN (200=220+250+260)	200		3.685.758.751.980	3.011.299.574.919
I. Tài sản cố định	220		190.374.000.106	185.068.893.653
1. Tài sản cố định hữu hình	221	9	42.266.507.654	47.722.100.632
- Nguyên giá	222		61.734.524.587	58.481.514.935
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(19.468.016.933)	(10.759.414.303)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	10	4.085.596.864	5.070.366.760
- Nguyên giá	225		6.123.828.270	6.123.828.270
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(2.038.231.406)	(1.053.461.510)
3. Tài sản cố định vô hình	227	11	2.984.433.136	2.776.762.133
- Nguyên giá	228		4.598.317.117	3.222.537.140
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.613.883.981)	(445.775.007)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	12	141.037.462.452	129.499.664.128
II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		3.359.749.198.868	2.672.201.908.791
1. Đầu tư vào công ty con	251	13	2.250.450.495.040	1.276.112.577.054
2. Đầu tư vào công ty liên kết	252	14	671.188.907.055	815.041.320.420
3. Đầu tư dài hạn khác	258	15	532.376.021.999	582.477.617.233
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259		(94.266.225.226)	(1.429.605.916)
III. Tài sản dài hạn khác	260		135.635.553.006	154.028.772.475
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	16	134.072.276.461	149.981.593.277
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	1.563.276.545	4.047.179.198
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.446.104.577.628	5.975.240.353.179

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 01-DN

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2011	31/12/2010
A. NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		4.555.498.357.827	3.253.595.681.456
I. Nợ ngắn hạn	310		4.502.260.956.305	3.114.587.327.030
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	18	1.635.485.071.210	1.365.018.071.693
2. Phải trả người bán	312		325.881.160.849	603.125.980.900
3. Người mua trả tiền trước	313		1.892.637.414.691	764.868.828.391
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	19	35.303.790.964	15.417.323.100
5. Phải trả người lao động	315		10.223.170.006	19.447.333.819
6. Chi phí phải trả	316	20	340.683.699.114	140.758.279.104
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	21	257.134.937.133	204.777.080.838
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		4.911.712.338	1.174.429.185
II. Nợ dài hạn	330		53.237.401.522	139.008.354.426
1. Vay và nợ dài hạn	334	22	1.071.505.306	71.892.579.058
2. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	17	-	14.237.741.742
3. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		304.246.800	351.728.600
4. Doanh thu chưa thực hiện	338	23	51.861.649.416	52.526.305.026
B. NGUỒN VỐN (400 = 410)	400		2.890.606.219.801	2.721.644.671.723
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	2.890.606.219.801	2.721.644.671.723
1. Vốn điều lệ	411		2.500.000.000.000	2.500.000.000.000
2. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		(18.764.312.623)	-
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		35.731.619.459	22.654.858.520
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		37.851.477.686	16.056.876.120
5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		500.000.000	-
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		335.287.435.279	182.932.937.083
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.446.104.577.628	5.975.240.353.179

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

CHỈ TIÊU	31/12/2011	31/12/2010
1. Nợ khó đòi đã xử lý (VND)	9.716.217.233	9.716.217.233
2. Ngoại tệ các loại (USD)	77.418	801.225
3. Ngoại tệ các loại (EUR)	8	8



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ký/Tổng Giám đốc

Trương Quốc Dũng

Phạm Tiến Đạt
Kế toán trưởng

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 02-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	3.610.642.810.590	3.585.012.691.805
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	(29.483.636)	(553.507.969)
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	26	3.610.613.326.954	3.584.459.183.836
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	27	3.258.734.661.930	3.124.591.873.746
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		351.878.665.024	459.867.310.090
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	323.132.507.098	388.923.895.015
7. Chi phí tài chính	22	29	201.606.509.577	101.730.275.226
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		125.767.757.173	61.853.876.760
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		270.326.662.238	304.705.523.650
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-25)	30		203.078.000.307	442.355.406.229
10. Thu nhập khác	31		2.677.906.126	128.892.071.297
11. Chi phí khác	32		1.872.200.570	15.841.238.427
12. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	30	805.705.556	113.050.832.870
13. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		203.883.705.863	555.406.239.099
14. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	31	8.608.856.071	109.323.645.244
15. (Thu nhập)/ Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	17	(11.753.839.089)	10.190.562.544
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		207.028.688.881	435.892.031.311



PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

Phạm Tiên Đạt
Kế toán trưởng

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	203.883.705.863	555.406.239.099
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	10.961.083.696	6.441.144.328
Các khoản dự phòng	03	79.293.687.604	39.493.146.621
(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	-	(683.187.321)
(Lãi) từ hoạt động đầu tư	05	(308.868.700.755)	(381.107.897.914)
Chi phí lãi vay	06	125.767.757.173	61.853.876.760
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	111.037.533.581	281.403.321.573
(Tăng) các khoản phải thu	09	(530.029.084.733)	(12.773.586.473)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(202.261.735.518)	220.143.448.886
Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không bao gồm lãi vay phải trả và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	1.164.629.378.795	(265.720.429.926)
Giảm chi phí trả trước	12	5.015.570.274	39.861.855.198
Tiền lãi vay đã trả	13	(106.301.120.610)	(61.073.312.986)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(14.916.517.919)	(128.300.328.345)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(34.329.857.650)	(17.269.988.391)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	392.844.166.220	56.270.979.536
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(67.335.610.064)	(107.251.203.180)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	537.631.583	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(381.220.000.000)	-
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	165.520.447.514	26.911.500.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(1.063.256.873.451)	(1.513.399.166.380)
5. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	626.364.106.099	183.629.000.000
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	155.193.441.485	271.908.748.914
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(564.196.856.834)	(1.138.201.120.646)

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 39 là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

MẪU SỐ B 03-DN
 Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu và nhận vốn góp của các cổ đông	31	-	1.000.000.000.000
2. Tiền vay ngắn, dài hạn nhận được	33	1.451.803.122.202	1.750.955.330.610
3. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(1.265.678.401.837)	(1.246.699.974.774)
4. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	(1.428.673.752)	(1.428.673.752)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho các cổ đông	36	-	(400.000.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	184.696.046.613	1.102.826.682.084
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	13.343.355.999	20.896.540.974
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	200.898.593.241	180.002.052.267
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	214.241.949.240	200.898.593.241

Thông tin bổ sung cho các khoản phi tiền tệ:

Tiền chi mua tài sản cố định và chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong năm không bao gồm số tiền 91.173.585.437 VND (năm 2010 là 116.116.569.559 VND), là số tiền dùng để mua sắm tài sản cố định và xây dựng cơ bản dở dang phát sinh trong năm mà chưa được thanh toán. Vì vậy, một khoản tiền tương ứng đã được điều chỉnh trên phần tăng, giảm các khoản phải trả.



Tổng Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

PHẠM TÔNG GIÁM ĐỐC

Phạm Quốc Dũng

Phạm Tiên Đạt
Kế toán trưởng

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Tổng Công ty”) được thành lập tại Việt Nam, tiền thân là Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí, trên cơ sở cổ phần hóa Công ty Thiết kế và Xây dựng Dầu khí, thành viên của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam theo Quyết định số 532/QĐ-TTCB ngày 26 tháng 3 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp (nay là Bộ Công thương). Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 4903000232 ngày 13 tháng 3 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp. Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này là 150.000.000.000 VND, trong đó vốn Nhà nước là 135.051.750.000 VND, chiếm 90,03%.

Tại Nghị quyết số 3604/NQ-DKVN ngày 26 tháng 10 năm 2007, Hội đồng Quản trị Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là “PetroVietnam”) đã thông qua đề án chuyển đổi Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí thành Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam hoạt động theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Tổng Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty cổ phần số 0103021423 ngày 20 tháng 12 năm 2007 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước đã chính thức chấp thuận cho Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam được niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội với mã cổ phiếu là PVX.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 9 ngày 5 tháng 7 năm 2010, tổng vốn điều lệ của Tổng Công ty là 2.500.000.000.000 VND, được chia thành 250.000.000 cổ phần, trong đó vốn Nhà nước do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam nắm giữ là 1.030.222.220.000 VND, chiếm 41,21%, còn lại là các cổ đông khác.

Tổng số nhân viên của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 477 người (31 tháng 12 năm 2010: 461 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Tổng Công ty là:

- Gia công chế tạo, lắp đặt các chân đế giàn khoan và các kết cấu kim loại khác; thiết kế, chế tạo các bồn chứa xăng dầu, khí hóa lỏng, chứa nước, bồn chịu áp lực và hệ thống ống công nghệ; sản xuất các sản phẩm cơ khí, chống ăn mòn kim loại, bảo dưỡng và sửa chữa các chân đế giàn khoan, tàu thuyền và các phương tiện nổi; gia công ren ống, sản xuất khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực khoan, khai thác dầu khí, công nghiệp.
- Kinh doanh vật tư thiết bị xây dựng dầu khí; khảo sát, thiết kế, tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp vừa và nhỏ; đầu tư, xây dựng các dự án hạ tầng, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở và các cơ sở hạ tầng kỹ thuật; san lấp mặt bằng; xây dựng các công trình thủy lợi, đê kè bến cảng.
- Lắp đặt hệ thống máy móc thiết bị công nghệ, thiết bị điều khiển, tự động hóa trong các nhà máy công nghiệp; lắp đặt các hệ thống đường dây tải điện đến 35KV, các hệ thống điện dân dụng và công nghiệp khác.
- Khoan phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất, kinh doanh vật liệu xây dựng; khảo sát, duy tu, bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài biển và trên đất liền), các công trình dân dụng và công nghiệp; sản xuất và kinh doanh bê tông thương phẩm; đầu tư xây dựng, khai thác và quản lý chợ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT (Tiếp theo)

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Kinh doanh bất động sản, đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cơ sở hạ tầng giao thông, xây dựng đô thị, văn phòng, nhà ở, xây dựng các dự án hạ tầng, các công trình thủy lợi, đê kè, cảng sông, cảng biển, cầu đường, công trình dân dụng và công nghiệp, kinh doanh đô thị và văn phòng, siêu thị và nhà ở.
- Đầu tư xây dựng, các nhà máy chế tạo cơ khí thiết bị phục vụ ngành dầu khí; các nhà máy đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất, nhà máy đóng giàn khoan; các nhà máy xi măng và sản xuất vật liệu xây dựng.
- Đầu tư công nghệ cao trong lĩnh vực xây dựng nhà cao tầng; lắp đặt, duy tu bảo dưỡng và sửa chữa các công trình dầu khí (ngoài khơi và trên biển), các chân đế khoan, các kết cấu kim loại, các bồn bể chứa (xăng dầu, khí hoá lỏng, nước), bình chịu áp lực và hệ thống công nghệ, các công trình dân dụng và công nghiệp; tư vấn đầu tư xây dựng các công trình dầu khí, công trình dân dụng và công nghiệp.
- Đóng tàu vận tải dầu, khí, hoá chất; đóng giàn khoan đất liền, ngoài biển; chế tạo cơ khí phục vụ ngành dầu khí, đóng tàu và kinh doanh cảng sông, cảng biển; chế tạo và cung cấp các loại ống chống cần khoan, ống nối, khớp nối, đầu nối và các phụ kiện phục vụ trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp; thi công xây dựng các công trình dầu khí (trên bờ, ngoài biển) các công trình công nghiệp và dân dụng, cảng sông, cảng biển; thi công các công trình giao thông, thủy lợi; sản xuất các sản phẩm công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí...); sản xuất kinh doanh các sản phẩm cơ khí, các vật liệu xây dựng, khoan, phá đá nổ mìn, khai thác mỏ, sản xuất công nghiệp (các nhà máy bê tông, thủy điện, điện khí); vận chuyển dầu và khí hoá lỏng, hoá chất; kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị xây dựng dầu khí; thương mại và dịch vụ tổng hợp.
- Kiểm tra và phân tích kỹ thuật thí nghiệm và mẫu cơ, lý, hóa, vật liệu xây dựng; kinh doanh lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy; đầu tư xây dựng và kinh doanh các công trình hầm đường bộ.

Hoạt động chính của Tổng Công ty là xây lắp và kinh doanh bất động sản.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ KỶ KẾ TOÁN

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Kỳ kế toán

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. ÁP DỤNG HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI

Ngày 06 tháng 11 năm 2009, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 210/2009/TT-BTC (“Thông tư 210”) hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính. Việc áp dụng Thông tư 210 yêu cầu trình bày các thông tin cũng như ảnh hưởng của việc trình bày này đối với một số các công cụ tài chính nhất định trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính kết thúc vào hoặc sau ngày 31 tháng 12 năm 2011. Công ty đã áp dụng Thông tư 210 và trình bày các thuyết minh bổ sung về việc áp dụng này trong báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tại Thuyết minh số 33.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Tổng Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản đầu tư ngắn hạn và dài hạn.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và phải trả khác, các khoản nợ và các khoản vay.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Hàng tồn kho (Tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Tổng Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	<u>2011</u>
	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	5 - 25
Máy móc, thiết bị	5 - 10
Phương tiện vận tải	5 - 7
Thiết bị văn phòng	3 - 7

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Tổng Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Tổng Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về chi phí đi vay (xem trình bày dưới đây).

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Tổng Công ty hoặc trên thời gian đi thuê, trong trường hợp thời gian này ngắn hơn, cụ thể như sau:

	<u>2011</u>
	Số năm
Phương tiện vận tải	5 - 7

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình và khấu hao

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm máy tính và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Tổng Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản đầu tư chứng khoán

Các khoản đầu tư chứng khoán được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua khoản đầu tư chứng khoán và được xác định giá trị ban đầu theo nguyên giá và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư chứng khoán.

Tại các kỳ kế toán tiếp theo, các khoản đầu tư chứng khoán được xác định theo nguyên giá trừ các khoản giảm giá đầu tư chứng khoán.

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được trích lập theo các quy định về kế toán hiện hành. Theo đó, Tổng Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư chứng khoán tự do trao đổi có giá trị ghi sổ cao hơn giá thị trường tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Các khoản trả trước dài hạn

Các khoản chi phí trả trước dài hạn bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, linh kiện loại nhỏ đã xuất dùng và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Tổng Công ty với thời hạn từ một năm trở lên. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong vòng ba năm theo các quy định kế toán hiện hành.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Tổng Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Tổng Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Tổng Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán; và

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ghi nhận doanh thu (Tiếp theo)

(d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng của Tổng Công ty được ghi nhận theo chính sách kế toán của Tổng Công ty về hợp đồng xây dựng (xem chi tiết dưới đây).

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Tổng Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Hợp đồng xây dựng

Doanh thu và chi phí của hợp đồng xây dựng được ghi nhận theo 2 trường hợp sau:

(a) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được ước tính một cách đáng tin cậy, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do nhà thầu tự xác định vào ngày lập báo cáo tài chính mà không phụ thuộc vào hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch đã lập hay chưa và số tiền ghi trên hóa đơn là bao nhiêu.

(b) Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Phần công việc đã hoàn thành được tính bằng tỷ lệ phần trăm giữa chi phí phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán so với tổng chi phí dự toán của hợp đồng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể được ước tính một cách đáng tin cậy, doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc được hoàn trả là tương đối chắc chắn.

Ngoại tệ

Tổng Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC của Bộ Tài chính ban hành ngày 15 tháng 10 năm 2009. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng các loại ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Số dư các tài sản bằng tiền và công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này và được xử lý như sau:

- Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản tiền, phải thu và phải trả ngắn hạn có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được ghi nhận trên khoản mục chênh lệch tỷ giá hối đoái thuộc mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải thu dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

- Chênh lệch phát sinh từ việc đánh giá lại các khoản phải trả dài hạn được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Khoản lỗ chênh lệch tỷ giá còn lại chưa ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh được phân bổ vào chi phí tối đa không quá 5 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)

Ngoại tệ (Tiếp theo)

Hướng dẫn của Thông tư số 201/2009/TT-BTC như trên có khác biệt so với quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) “Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái” (VAS10). Theo VAS 10, tất cả chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh. Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty quyết định áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn tại Thông tư số 201/2009/TT-BTC và tin tưởng việc áp dụng đó cùng với việc đồng thời công bố đầy đủ thông tin về sự khác biệt trong trường hợp áp dụng theo hướng dẫn theo VAS 10 sẽ cung cấp đầy đủ hơn các thông tin cho người sử dụng báo cáo tài chính. Theo đó, việc áp dụng ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư số 201/2009/TT-BTC làm lợi nhuận trước thuế của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 tăng 18.764.312.623 đồng (năm 2010: 0 đồng) và khoản mục “chênh lệch tỷ giá hối đoái” được phản ánh trong mục vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 sẽ giảm một khoản tương ứng so với áp dụng theo VAS 10.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Tổng Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Tổng Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (Tiếp theo)****Thuế (Tiếp theo)**

Việc xác định thuế thu nhập của Tổng Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Tiền mặt	8.209.850.975	4.191.184.486
Tiền gửi ngân hàng	141.032.098.265	186.707.408.755
Các khoản tương đương tiền (i)	65.000.000.000	10.000.000.000
	<u>214.241.949.240</u>	<u>200.898.593.241</u>

(i) Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi có kỳ hạn 1 tháng tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long theo Hợp đồng số 12122011/SBTL-PVC ngày 12 tháng 12 năm 2011, lãi suất 14%/năm, đáo hạn vào ngày 12 tháng 1 năm 2012.

6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư ngắn hạn khác (i)	6.936.563.433	474.289.083.699
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	-	(23.910.550.000)
	<u>6.936.563.433</u>	<u>450.378.533.699</u>

(i) Thông tin chi tiết về các khoản đầu tư ngắn hạn như sau:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình (PVSB)	-	118.510.550.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	-	34.318.113.699
Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess (*)	6.936.563.433	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư và Thiết kế Dầu khí (PVE)	-	16.497.220.000
Công ty Cổ phần Thiết kế Worley Parsons Dầu khí Việt Nam	-	1.120.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp khí (PVID)	-	50.843.200.000
Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác cảng Phước An (PAP)	-	200.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV-Shipyard)	-	53.000.000.000
	<u>6.936.563.433</u>	<u>474.289.083.699</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***6. ĐẦU TƯ NGẮN HẠN (Tiếp theo)**

(*) Theo Nghị quyết số 754/NQ-XLKD ngày 25 tháng 8 năm 2011, Tổng Công ty đã quyết định chuyển nhượng phần vốn góp của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư PV-Inconess cho Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR). Theo Nghị quyết số 29/NQ-HĐQT-PVCR ngày 20 tháng 2 năm 2012, PVCR đã chấp thuận nhận chuyển nhượng phần vốn góp nói trên.

7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

Phải thu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 chủ yếu bao gồm các khoản sau:

a) Các khoản Tổng Công ty thanh toán hộ các công ty con và công ty liên kết, chịu lãi suất và có thời hạn thanh toán tương ứng với lãi suất và ngày đáo hạn của các hợp đồng vay tại Ngân hàng TMCP Đại Dương (được trình bày tại Thuyết minh số 18 - Vay và nợ ngắn hạn). Chi tiết như sau:

(i) Các khoản thanh toán hộ các công ty con và công ty liên kết liên quan tới Hợp đồng tín dụng số 603/2011/HĐQT-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 06 năm 2011 :

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
- Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Khách sạn Lam Kinh (Lam Kinh) vay vốn, mục đích để hỗ trợ vốn sản xuất kinh doanh cho Lam Kinh và lãi phát sinh. Trong đó gốc vay là 200 tỷ VND.	200.000.000.000	-

(ii) Các khoản thanh toán hộ các công ty con và công ty liên kết liên quan tới Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐQT-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC-SG) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), mục đích để PVC-SG nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng.	40.677.599.566	40.677.599.566
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), mục đích để PVIN nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Hải Đăng. Ngày 6/4/2011, PVIN đã chuyển nhượng số cổ phần và khoản nợ này cho PVC -SG.	139.235.260.203	140.660.487.797
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), mục đích để PVC-Petroland nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang.	60.587.520.000	60.874.469.227
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Đầu tư Khu công nghiệp Dầu khí (IDICO Long Sơn) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), mục đích để IDICO Long Sơn nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt.	101.620.000.000	304.707.415.833
- Khoản tiền Tổng Công ty thanh toán hộ Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) cho Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC), mục đích để PVNC nhận chuyển nhượng cổ phần của PVFC tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9.	22.623.638.889	22.855.216.971



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***7. CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

b) Một số khoản phải thu khác:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
- Khoản tiền hỗ trợ Công ty Cổ phần Thiết bị nội ngoại thất Dầu khí (PVC-Metal) thanh toán cho các nhà cung cấp theo Quyết định số 841/QĐ-XLKD ngày 22/9/2011.	16.220.000.000	-
- Khoản tiền Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR) phải trả cho Tổng Công ty khí PVCR nhận chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-I).	18.000.000.000	-
- Khoản tiền Tổng Công ty hỗ trợ vốn cho Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí theo Quyết định số 504/QĐ-XLKD ngày 20 tháng 6 năm 2011.	90.000.000.000	-
- Khoản tiền phải thu Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) liên quan đến việc PTSC nhận chuyển nhượng 11,3 triệu cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình.	113.850.000.000	-
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT) do chuyển giao nguyên trạng Ban điều hành dự án xây dựng công trình kho chứa LPG lạnh Thị Vải cho PVC-PT theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.	166.867.110.545	-
- Khoản tiền Tổng Công ty ứng trước vốn điều lệ cho Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) theo Quyết định số 244/QĐ-XLKD ngày 05 tháng 04 năm 2011.	100.000.000.000	-
- Khoản tiền Công ty Cổ phần Xây dựng Dầu khí Nghệ An (PVNC) phải trả cho Tổng Công ty khi PVNC nhận chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Xi măng Dầu khí 12/9.	73.879.432.106	74.377.632.106
- Khoản phải thu Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) do chuyển giao nguyên trạng Ban điều hành dự án Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc cho PVC-HN theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị.	73.721.027.830	-
- Cổ tức năm 2010 và cổ tức năm 2011 phải thu Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC - IC).	36.720.000.000	-
- Khoản tiền Tổng công ty Công nghệ Năng lượng Dầu khí Việt Nam (PV EIC) phải trả cho Tổng công ty khí PV EIC nhận chuyển nhượng cổ phần của Tổng Công ty tại Công ty Cổ phần Máy và Thiết bị Dầu khí (PV Machino).	26.179.097.064	-

8. HÀNG TỒN KHO

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	275.355.780.559	66.600.155.859
Hàng hóa	-	11.962.100.851
	<u>275.355.780.559</u>	<u>78.562.256.710</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng
	VND	VND	VND	VND	VND
NGUYÊN GIÁ					
Tại ngày 01/01/2011	27.959.629.695	3.213.495.114	11.479.079.560	15.829.310.566	58.481.514.935
Tăng do mua sắm	-	18.500.000	1.707.117.818	2.139.275.613	3.864.893.431
Thanh lý, nhượng bán	-	(290.772.727)	-	(321.111.052)	(611.883.779)
Phân loại lại	-	(1.004.303.000)	-	1.004.303.000	-
Tại ngày 31/12/2011	27.959.629.695	1.936.919.387	13.186.197.378	18.651.778.127	61.734.524.587
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Tại ngày 01/01/2011	1.117.449.892	1.295.100.968	2.890.143.292	5.456.720.151	10.759.414.303
Khấu hao trong năm	1.808.070.576	593.957.275	1.854.856.296	4.547.852.846	8.804.736.993
Thanh lý, nhượng bán	-	(26.450.225)	-	(69.684.138)	(96.134.363)
Phân loại lại	-	(641.638.038)	-	641.638.038	-
Tăng/(Giảm) khác	-	-	(970.465)	970.465	-
Tại ngày 31/12/2011	2.925.520.468	1.220.969.980	4.744.029.123	10.577.497.362	19.468.016.933
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày 31/12/2011	25.034.109.227	715.949.407	8.442.168.255	8.074.280.765	42.266.507.654
Tại ngày 31/12/2010	26.842.179.803	1.918.394.146	8.588.936.268	10.372.590.415	47.722.100.632

Nguyên giá của tài sản cố định bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 với giá trị là 4.500.448.698 VND (31 tháng 12 năm 2010: 4.141.761.494 VND).

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Phương tiện vận tải
	VND
NGUYÊN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2011	6.123.828.270
Tại ngày 31/12/2011	6.123.828.270
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2011	1.053.461.510
Khấu hao trong năm	984.769.896
Tại ngày 31/12/2011	2.038.231.406
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	4.085.596.864
Tại ngày 31/12/2010	5.070.366.760

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	<u>Phần mềm máy tính</u>
	<u>VND</u>
NGUYỄN GIÁ	
Tại ngày 01/01/2011	3.222.537.140
Tăng do mua sắm trong năm	766.301.977
Tăng do đầu tư XD CB hoàn thành	631.828.000
Tăng khác	3.000.000
Thanh lý, nhượng bán	(25.350.000)
Tại ngày 31/12/2011	<u>4.598.317.117</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Tại ngày 01/01/2011	445.775.007
Khấu hao trong năm	1.171.576.807
Thanh lý, nhượng bán	(3.467.833)
Tại ngày 31/12/2011	<u>1.613.883.981</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày 31/12/2011	<u>2.984.433.136</u>
Tại ngày 31/12/2010	<u>2.776.762.133</u>

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỒ DANG

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
- Dự án Khu công nghiệp Dịch vụ Dầu khí Soài Rạp-Tiền Giang	120.545.878.087	115.535.496.269
- Dự án Tiền Giang	8.485.493.496	8.485.493.496
- Dự án Tháp dầu khí	7.437.283.781	-
- Công trình khu đô thị Đại học Dầu khí	3.883.984.985	3.883.984.985
- Các công trình khác	684.822.103	1.594.689.378
	<u>141.037.462.452</u>	<u>129.499.664.128</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON**

Thông tin chi tiết về các công ty con của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	Đà Nẵng	76.500.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	Bà Rịa - Vũng Tàu	102.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	Bà Rịa - Vũng Tàu	153.000.000.000	51%	51%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	Bà Rịa - Vũng Tàu	204.000.000.000	54%	54%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (PVC-HN) (i) (ii)	Hà Nội	107.500.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME) (i)	Hà Nội	200.000.000.000	40%	40%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong) (i)	Cần Thơ	53.532.000.000	50%	50%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR) (i)	Quảng Ninh	188.928.343.478	34%	34%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Thanh Hóa (PVC-Thanh Hóa) (i)	Thanh Hóa	75.600.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC Land)	Hà Nội	192.212.500.000	70%	70%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Thái Bình (PVC-Thái Bình)	Thái Bình	325.000.000.000	72%	72%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô) (i)	Hà Nội	204.675.045.565	36%	36%	Kinh doanh bất động sản và dịch vụ
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland) (i)	Thành phố Hồ Chí Minh	367.502.605.997	36%	36%	Đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp
Tổng cộng		2.250.450.495.040			

- (i) Theo đánh giá của Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty, mặc dù tỷ lệ sở hữu của Tổng Công ty nhỏ hơn hoặc bằng 50% vốn góp tại PVC-HN, PVC-ME, PVC-Mekong, PVCR, PVC-Thanh Hóa, PVC-Đông Đô và PVC-Petroland nhưng Tổng Công ty vẫn có quyền kiểm soát các công ty này thông qua quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động; giao và đánh giá việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm; hỗ trợ về công việc, các hợp đồng xây lắp, thị trường, tài chính. Theo Nghị quyết số 1928/NQ-DKVN ngày 11 tháng 8 năm 2010 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam về việc “Thông qua chủ trương thực hiện Phương án tái cấu trúc tổng thể Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam” và Nghị quyết số 491/NQ-XLDK ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc “Phê duyệt danh mục các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam”, Tổng Công ty duy trì các công ty này là nhóm các công ty con thuộc lĩnh vực sản xuất công nghiệp, xây lắp và kinh doanh bất động sản. Các công ty nói trên được xác định là công ty con và được hợp nhất vào báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

13. ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY CON (Tiếp theo)

- (ii) Theo Báo cáo kết quả thẩm tra số 1545/VKT-TTTV của Viện Kinh tế Xây dựng - Bộ Xây dựng ngày 19 tháng 12 năm 2011 về việc “Thẩm tra dự toán Công trình Nhà máy sản xuất Ethanol nhiên liệu sinh học khu vực phía Bắc”, tổng giá trị dự toán dự án tăng thêm với số tiền 13.997.999 USD (Giá trị hợp đồng xây lắp trọn gói của dự án số 59/2009-EPC ngày 12 tháng 8 năm 2009 đã ký với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu Sinh học Dầu khí là 50.098.000 USD, giá trị sau khi thẩm tra dự án là 64.095.999 USD). Tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, toàn bộ phần giá trị tăng thêm này chưa được thống nhất và ký phụ lục hợp đồng bổ sung với Công ty Cổ phần Hóa dầu và Nhiên liệu sinh học Dầu khí (chủ đầu tư dự án). Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Hà Nội (Công ty con của Tổng Công ty) chưa bao gồm bất kỳ điều chỉnh nào liên quan đến giá trị tăng thêm theo kết quả thẩm tra nêu trên. Theo đó, Tổng Công ty chưa xem xét bất kỳ ảnh hưởng nào của giá trị tăng thêm này đến lợi nhuận trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011; do đó, không có khoản dự phòng nào được trích lập và ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày.

14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Đầu tư vào các công ty liên kết	671.188.907.055	815.041.320.420

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***14. ĐẦU TƯ VÀO CÁC CÔNG TY LIÊN KẾT (Tiếp theo)**

Thông tin chi tiết về các công ty liên kết của Tổng Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 như sau:

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Giá trị vốn góp tại ngày 31/12/2011 VND	Tỷ lệ phần sở hữu %	Tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ %	Hoạt động chính
1	Công ty Cổ phần Thiết kế Quốc tế Heerim-PVC	Hà Nội	3.740.000.000	44%	44%	Thiết kế quy hoạch tổng mặt bằng, thiết kế kiến trúc công trình
2	Công ty Cổ phần Cơ điện Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	2.600.000.000	26%	26%	Kinh doanh vật tư thiết bị ngành điện, cơ điện
3	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí Việt Nam	Hà Nội	100.000.000.000	27%	27%	Kinh doanh dịch vụ tư vấn bất động sản
4	Công ty Cổ phần Trang trí Nội thất Dầu khí	Hà Nội	20.000.000.000	50%	50%	Thiết kế và thi công các công trình xây dựng
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	Hải Phòng	63.900.000.000	35%	35%	Đầu tư phát triển khu công nghiệp, kinh doanh dịch vụ, xăng dầu, vật liệu xây dựng
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Dầu khí Phú Đạt	Thành phố Hồ Chí Minh	200.000.000.000	47%	47%	Kinh doanh bất động sản, vật liệu xây dựng
7	Công ty Cổ phần Bê tông Dự ứng lực PVC- FECON	Hà Nam	37.500.000.000	25%	25%	Sản xuất công nghiệp
8	Tổng Công ty Xây lắp Dầu khí Nghệ An (PVNC)	Nghệ An	55.000.000.000	23%	23%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Sài Gòn	Thành phố Hồ Chí Minh	83.848.907.055	25%	25%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hoà Bình (PVC5)	Hà Nội	60.000.000.000	36%	36%	Xây lắp, kinh doanh bất động sản
11	Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại Dầu khí Sông Đà (PVSD)	Hà Nội	30.000.000.000	27%	27%	Xây lắp, sản xuất công nghiệp
12	Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	Thành phố Hồ Chí Minh	14.600.000.000	21%	21%	Sản xuất công nghiệp
	Tổng cộng		671.188.907.055			

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

Đầu tư dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

STT	Đầu tư dài hạn khác	31/12/2011		31/12/2010	
		VND	%	VND	%
1	Công ty Cổ phần Xi măng Hạ Long	147.300.000.000	15%	147.300.000.000	15%
2	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Thương mại Dầu khí - Idico	136.068.065.000	16%	136.068.065.000	16%
3	Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL) (*)	86.100.000.000	14%	86.100.000.000	14%
4	Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) (*)	33.700.000.000	11%	33.700.000.000	11%
5	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC (**)	30.000.000.000	10%	-	-
6	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Kinh Bắc (PVC-KBC)	23.500.000.000	16%	23.500.000.000	16%
7	Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco)	16.764.968.199	15%	-	-
8	Công ty Cổ phần Hồng Hà Dầu khí	13.200.000.000	6%	13.200.000.000	6%
9	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí IMICO	12.500.000.000	5%	-	-
10	Công ty Cổ phần Đầu tư Bê tông Công nghệ cao (Sopewaco)	10.200.000.000	13%	10.200.000.000	18%
11	Công ty Cổ phần Quản lý và Khai thác Tài sản Dầu khí (PSA)	6.800.000.000	10%	-	-
12	Ủy thác đầu tư	3.500.000.000		-	-
13	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí PVC- Trường Sơn	3.000.000.000	4%	3.000.000.000	4%
14	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí 2 (PVC2)	2.795.000.000	5%	-	-
15	Công ty Cổ phần Xây dựng Sông Hồng (ICG)	2.447.988.800	1%	2.447.988.800	1%
16	Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng và Xây lắp Dầu khí 4 (PVC4)	2.500.000.000	10%	2.500.000.000	10%
17	Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thái Bình Dương (PVC-TBD)	2.000.000.000	4%	-	-
18	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Dầu khí Sài Gòn (PVC - SG)	-		62.125.000.000	18%
19	Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (PVID)	-		15.000.000.000	26%
20	Công ty Cổ phần Thiết bị Nội ngoại thất Dầu khí	-		7.000.000.000	11%
21	Công ty Cổ phần Đầu tư PV- Inconess	-		6.936.563.433	2%
22	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Hoà Bình (PVC5)	-		5.000.000.000	11%
23	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải	-		23.900.000.000	23%
24	Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Dầu khí 3C	-		4.500.000.000	5%
		532.376.021.999		582.477.617.233	

Tổng Công ty đã đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn cổ phần tại ngày 31 tháng 12 năm 2011. Với những đơn vị chưa lập báo cáo tài chính năm 2011, Tổng Công ty đã dựa trên báo cáo tài chính của kỳ gần nhất và thu thập thêm thông tin cập nhật về tình hình tài chính của các đơn vị này để đánh giá giá trị dự phòng cần trích lập (nếu có). Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty tin tưởng rằng dự phòng giảm giá các khoản đầu tư này đã được lập trên cơ sở thận trọng và đầy đủ nhất.

30-12-2011
 TỶ
 HỮU H
 TTE
 TAM
 P. H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***15. ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC (Tiếp theo)**

(*) Trong năm 2011, một số công ty đã được đổi tên như sau:

- Công ty Cổ phần Địa ốc Dầu khí (PVL) tiền thân là Công ty Cổ phần Bất động sản Điện lực Dầu khí Việt Nam.

- Công ty Cổ phần Đầu tư Dầu khí Nha Trang (PVIN) tiền thân là Công ty Cổ phần Đầu tư và Thương mại Dầu khí Sông Hồng.

(**) Trong năm 2011, khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Vinaconex-PVC được phân loại từ đầu tư vào công ty liên kết sang đầu tư dài hạn khác.

16. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trả trước về thuê hoạt động tài sản cố định	121.802.903.380	127.481.643.166
Chi phí dài hạn khác	12.269.373.081	22.499.950.111
	<u>134.072.276.461</u>	<u>149.981.593.277</u>

17. THUẾ THU NHẬP HOẢN LẠI

Dưới đây là thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại do Tổng Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm và các kỳ kế toán trước.

	<u>Đánh giá lại</u>	<u>Doanh thu chưa</u>	<u>Khác</u>	<u>Tổng cộng</u>
	<u>quyền sử dụng đất</u>	<u>thực hiện</u>		
	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2010	-	-	-	-
Cổ phần hóa Công ty con	(14.568.170.298)	-	-	(14.568.170.298)
Chuyển sang lợi nhuận trong năm	330.428.556	-	-	330.428.556
Chi phí chưa tạo doanh thu tương ứng	-	-	4.047.179.198	4.047.179.198
Tại ngày 01/01/2011	<u>(14.237.741.742)</u>	-	<u>4.047.179.198</u>	<u>(10.190.562.544)</u>
Chuyển sang lợi nhuận/ (lỗ) trong năm	330.428.556	-	(1.542.001.821)	(1.211.573.265)
Doanh thu chưa thực hiện	-	12.965.412.354	-	12.965.412.354
	<u>330.428.556</u>	<u>12.965.412.354</u>	<u>(1.542.001.821)</u>	<u>11.753.839.089</u>
Tại ngày 31/12/2011	<u>(13.907.313.186)</u>	<u>12.965.412.354</u>	<u>2.505.177.377</u>	<u>1.563.276.545</u>

Một số khoản thuế thu nhập hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được bù trừ theo quy định kế toán hiện hành cho mục đích lập báo cáo tài chính:

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	(13.907.313.186)	(14.237.741.742)
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	15.470.589.731	4.047.179.198
	<u>1.563.276.545</u>	<u>(10.190.562.544)</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Vay ngắn hạn	1.634.056.397.458	1.340.458.597.941
- Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (i)	19.521.458.000	169.181.321.383
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam (ii)	151.048.743.243	25.934.575.624
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương (iii)	1.193.097.418.550	946.097.418.550
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quốc tế Việt Nam	-	128.061.882.498
- Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) (iv)	80.699.475.685	71.183.399.886
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội (v)	189.689.301.980	-
Nợ dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 22)	1.428.673.752	24.559.473.752
	<u>1.635.485.071.210</u>	<u>1.365.018.071.693</u>

- (i) Vay ngắn hạn tại Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 19.521.458.000 VND theo Hợp đồng hạn mức tín dụng số 17/TDHM-NH/TD11 ngày 19 tháng 05 năm 2011. Khoản vay này có hạn mức tín dụng là 470.000.000.000 VND và có thời hạn hạn mức tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký kết hợp đồng. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay được hai bên thỏa thuận tại thời điểm giải ngân (lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 18,5%/năm đến 22%/năm cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011).
- (ii) Vay ngắn hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 151.048.743.243 VND theo các hợp đồng sau:
- + Hợp đồng nguyên tắc số 02/HĐNT/NHCTCD-PVC ngày 12 tháng 4 năm 2010 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 VND. Các khoản vay được giải ngân theo các Hợp đồng số 03/2011/HĐTD-NH/NHCTCD-PVC ngày 12 tháng 10 năm 2011 với số tiền là 32.000.000.000 đồng, Hợp đồng số 04/2011/HĐTD-NH/NHCTCD-PVC ngày 27 tháng 12 năm 2011 với số tiền là 10.000.000.000 VND. Các khoản vay ngắn hạn này được ký kết theo từng lần nhận nợ và có thời gian đáo hạn lần lượt là ngày 12 tháng 03 năm 2012 và ngày 27 tháng 06 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 16%/năm đến 19,5%/năm cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.
 - + Hợp đồng tín dụng số 11.03.04/VNTPHN-PVC ngày 05 tháng 9 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hà Nội và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, hạn mức tín dụng là 120.000.000.000 VND, đáo hạn vào tháng 03 năm 2012. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Lãi suất cho vay là lãi suất thả nổi, điều chỉnh 1 tháng/1 lần. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 17%/năm đến 18,5%/năm cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (iii) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 1.193.097.418.550 VND theo các Hợp đồng tín dụng số 10/2010/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 20 tháng 10 năm 2010, số 601/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011, số 602/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 và số 603/2011/HĐTD-OCEANBANK-PVC ngày 30 tháng 6 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đại Dương và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Lãi suất cho các khoản vay này là từ 4,9%/năm đến 8%/năm cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

18. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN (Tiếp theo)

- (iv) Vay ngắn hạn Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 80.699.475.685 đồng, theo Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung ngày 07 tháng 09 năm 2011 giữa Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có hạn mức 2.700.000 USD hoặc tương đương bằng VND và Thư đề nghị cung cấp tiện ích chung ngày 04 tháng 10 năm 2011 giữa Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội và Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam có hạn mức 3.000.000 USD hoặc tương đương bằng VND. Biện pháp để bảo đảm khoản vay là các khoản phải thu của Tổng Công ty từ nhà đầu tư. Các khoản vay ngắn hạn này được ký kết theo từng lần nhận nợ và có thời hạn không quá 5 tháng, thời gian đáo hạn gần nhất của các khoản vay này là ngày 24 tháng 3 năm 2012. Lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay, lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 15,8%/năm đến 21,5%/năm cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.
- (v) Vay ngắn hạn Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long, số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 là 189.689.301.980 đồng theo Hợp đồng số SHBTL38042011 ngày 25 tháng 4 năm 2011 giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Thăng Long với Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo. Các khoản vay này được giải ngân theo các kế ước nhận nợ, có thời hạn vay mỗi lần nhận nợ không quá 6 tháng, lãi suất vay được xác định tại thời điểm nhận nợ vay và điều chỉnh định kỳ 3 tháng/lần. Thời gian đáo hạn của các khoản vay này từ ngày 05 tháng 02 năm 2012 đến ngày 27 tháng 06 năm 2012. Lãi suất áp dụng cho các khoản vay này là từ 18,5%/năm đến 22%/năm cho kỳ từ ngày 01 tháng 01 năm 2011 đến ngày 31 tháng 12 năm 2011.

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Thuế GTGT phải nộp	26.755.938.953	736.067.139
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.451.570.405	13.759.232.253
Thuế thu nhập cá nhân	1.096.281.606	908.568.137
Thuế và các khoản phải nộp khác	-	13.455.571
	<u>35.303.790.964</u>	<u>15.417.323.100</u>

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Chi phí trích trước của các công trình xây dựng	330.808.308.287	135.061.089.477
Chi phí phải trả khác	9.875.390.827	5.697.189.627
	<u>340.683.699.114</u>	<u>140.758.279.104</u>

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***21. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỢP NGẮN HẠN KHÁC**

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn	927.422.595	1.467.393.453
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (*)	216.356.097.064	177.179.097.064
Tổng Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)	6.936.563.433	6.936.563.433
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	32.914.854.041	19.194.026.888
	257.134.937.133	204.777.080.838

(*) Số còn phải trả Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) từ việc nhận chuyển nhượng 10.000.000 cổ phần với mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dầu khí Đầu tư Khai thác Cảng Phước An (PAP) theo Hợp đồng số 8345/HĐ-DKVN ngày 20/09/2010 và 13.909.896 cổ phần với giá 10.509 VND/cổ phiếu của Công ty Cổ phần Máy-Thiết bị Dầu khí (PV Machino) theo Hợp đồng số 5650/HĐ-DKVN ngày 15/07/2010 ký với PetroVietnam và vốn PetroVietnam hỗ trợ Tổng Công ty để thanh toán cho các nhà thầu phụ của Dự án Khu Công nghiệp Soài Rạp - Tiền Giang.

22. VAY VÀ NỢ DÀI HẠN

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Vay dài hạn	-	69.392.400.000
- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - Chi nhánh Chương Dương	-	69.392.400.000
Nợ thuê tài chính dài hạn (*)	1.071.505.306	2.500.179.058
	1.071.505.306	71.892.579.058

(*) Ngày 22 tháng 6 năm 2009, Tổng Công ty ký Hợp đồng số 36.09.06/CTTC với Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam thuê tài chính 7 xe ô tô với tổng giá trị tài sản cho thuê là 320.600 USD (tương đương 5.714.695.000 VND). Nợ gốc sẽ được trả định kỳ 01 tháng/lần trong 8 kỳ thanh toán theo lịch thanh toán đính kèm hợp đồng. Lãi suất cho thuê được tính bằng lãi suất cơ bản do Công ty TNHH Một thành viên Cho thuê tài chính Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam công bố cộng biên độ 0,2%/tháng. Lãi suất được điều chỉnh 06 tháng/lần (lãi suất áp dụng cho khoản nợ thuê tài chính dài hạn này là từ 14,4%/năm đến 18,9%/năm cho năm 2011).

Các khoản vay và nợ dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Trong vòng một năm	1.428.673.752	24.559.473.752
Trong năm thứ hai	1.071.505.306	24.559.473.752
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	-	47.333.105.306
	2.500.179.058	96.452.052.810
Trừ: Số phải trả trong vòng 12 tháng (được trình bày ở phần nợ ngắn hạn)	1.428.673.752	24.559.473.752
Số phải trả sau 12 tháng	1.071.505.306	71.892.579.058



TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***23. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	<u>31/12/2011</u>	<u>31/12/2010</u>
	VND	VND
Hợp đồng cho thuê Văn phòng	51.577.622.143	52.242.277.753
Hợp đồng khác	284.027.273	284.027.273
	<u>51.861.649.416</u>	<u>52.526.305.026</u>

11
N
HIỆ
0
T
1

QUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

MÃ SỐ B 09-DN

VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn điều lệ		Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quý đầu tư phát triển	Quý dự phòng tài chính	Quý khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND						
Tại ngày 01/01/2010	1.500.000.000.000	-	-	17.178.449.520	7.556.876.120	455.000.000	172.456.771.606	1.697.647.097.246
Vốn góp trong năm	1.000.000.000.000	-	-	-	-	-	-	1.000.000.000.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	435.892.031.311	435.892.031.311
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	5.476.409.000	8.500.000.000	500.000.000	(25.377.642.653)	(10.901.233.653)
Chi trả cổ tức năm 2009	-	-	-	-	-	-	(150.000.000.000)	(150.000.000.000)
Tam ứng cổ tức của năm 2010	-	-	-	-	-	-	(250.000.000.000)	(250.000.000.000)
Chi theo quy định	-	-	-	-	-	(955.000.000)	-	(955.000.000)
Giảm khác	-	-	-	-	-	-	(38.223.181)	(38.223.181)
Tại ngày 01/01/2011	2.500.000.000.000	-	-	22.654.858.520	16.056.876.120	-	182.932.937.083	2.721.644.671.723
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	-	-	207.028.688.881	207.028.688.881
Phân phối lợi nhuận (i)	-	-	-	13.076.760.939	21.794.601.566	500.000.000	(54.674.190.685)	(19.302.828.180)
Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số đư cuối năm	-	(18.764.312.623)	-	-	-	-	-	(18.764.312.623)
Tại ngày 31/12/2011	2.500.000.000.000	(18.764.312.623)	-	35.731.619.459	37.851.477.686	500.000.000	335.287.435.279	2.890.606.219.801

(i) Trong năm, Tổng Công ty đã thực hiện trích các quỹ từ lợi nhuận năm 2010 theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 23 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 và Quyết định số 1073/QĐ-XLĐK ngày 29 tháng 12 năm 2011 của Hội đồng Quản trị như sau:

- Quỹ đầu tư phát triển được trích là: 13.076.760.939 VND (tỷ lệ 3% lợi nhuận sau thuế).
- Quỹ dự phòng tài chính được trích là: 21.794.601.566 VND (tỷ lệ 5% lợi nhuận sau thuế).
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích là: 15.302.828.180 VND (tỷ lệ 3,51% lợi nhuận sau thuế). Tổng Công ty đã tạm trích trong năm 2010 là 4.000.000.000 VND, và trích bổ sung trong năm 2011 là 11.302.828.180 VND. Đồng thời, Tổng Công ty cũng tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận sau thuế năm 2011 theo Quyết định số 1073/QĐ-XLĐK với số tiền là 8.000.000.000 VND.
- Quỹ thưởng Ban quản lý được trích là 500.000.000 VND (tỷ lệ 0,1% lợi nhuận sau thuế).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃ SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU (Tiếp theo)

Vốn điều lệ và vốn đầu tư

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, tổng vốn đầu tư và vốn điều lệ của Tổng Công ty đều là 2.500.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, vốn điều lệ đã được cổ đông góp đủ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh		Vốn đã góp tại ngày	
	VND	%	31/12/2011 VND	31/12/2010 VND
Tập đoàn Dầu khí Việt Nam	1.030.222.220.000	41,21%	1.030.222.220.000	1.030.222.220.000
Các cổ đông khác	1.469.777.780.000	58,79%	1.469.777.780.000	1.469.777.780.000
	2.500.000.000.000	100%	2.500.000.000.000	2.500.000.000.000

25. CỔ TỨC

Theo Nghị quyết số 338/NQ-ĐHĐCĐ-XLĐK ngày 23 tháng 04 năm 2011 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011, mức chia cổ tức là 375.000.000.000 VND, trong đó, trả cổ tức bằng tiền mặt là 250.000.000.000 VND (10% vốn điều lệ) và trả cổ tức bằng cổ phiếu là 125.000.000.000 VND (5% vốn điều lệ). Trong năm 2010, Tổng Công ty đã tạm ứng cổ tức bằng tiền mặt (theo Quyết định số 1126/QĐ-XLĐK ngày 28 tháng 10 năm 2010 về việc tạm ứng cổ tức năm 2010 của Tổng Công ty).

26. DOANH THU

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
Doanh thu hoạt động xây lắp	3.579.042.831.697	3.501.695.670.282
Doanh thu bán hàng	11.946.895.455	61.682.388.073
Doanh thu cung cấp dịch vụ	19.653.083.438	21.634.633.450
	3.610.642.810.590	3.585.012.691.805
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Giảm giá hàng bán	(29.483.636)	(553.507.969)
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	3.610.613.326.954	3.584.459.183.836

27. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm 2011 VND	Năm 2010 VND
Giá vốn hoạt động xây lắp	3.234.875.800.242	3.047.123.193.586
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.156.340.289	60.334.910.589
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	11.702.521.399	19.930.801.125
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	(2.797.031.554)
	3.258.734.661.930	3.124.591.873.746

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAMTầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***28. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phần (i)	85.432.863.700	281.215.198.306
Cổ tức, lợi nhuận được chia (ii)	222.301.072.413	82.239.285.161
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	5.795.314.642	17.501.897.553
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.663.835.704	2.927.339.050
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	889.587.973
Doanh thu hoạt động tài chính khác	7.939.420.639	4.150.586.972
	323.132.507.098	388.923.895.015

(i) Lợi nhuận chuyển nhượng cổ phần chủ yếu bao gồm:

- Lợi nhuận bán 1.534.500 cổ phần Công ty Cổ phần Bất động sản Dầu khí (Petrowaco) theo Hợp đồng số 09/HĐ ngày 25 tháng 03 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng là 15.592.054.500 VND.
- Lợi nhuận bán 5.100.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Khí (PVID) theo Hợp đồng số 37/2011/PVGAS/TC-PVC/D4 ngày 04 tháng 03 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng là 11.376.800.000 VND.
- Lợi nhuận bán 12.500.000 cổ phần Công ty Cổ phần Sản xuất Ống thép Dầu khí Việt Nam (PV PIPE) theo Hợp đồng số 132/2011/PVGAS/TC-PVC/D4 ngày 15 tháng 6 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng là 11.087.500.000 VND.
- Lợi nhuận bán phần vốn góp tại Công ty TNHH Liên doanh VIETUBES theo Hợp đồng số 186A/2011/PVD-PVC ngày 29 tháng 09 năm 2011. Lãi từ việc chuyển nhượng là 36.144.019.200 VND.

(ii) Cổ tức, lợi nhuận được chia chủ yếu bao gồm:

Công ty	Tỷ lệ	Số tiền VND
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng và Đô thị Dầu khí (PVC-Petroland)	14%	43.690.367.667
Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí (PVC-MS)	21%	36.720.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Đường ống Bể chứa Dầu khí (PVC-PT)	16%	16.320.000.000
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Miền Trung (PVC-MT)	20%	14.917.500.000
Công ty Cổ phần Xây dựng Công nghiệp và Dân dụng Dầu khí (PVC-IC)	12%	18.360.000.000
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Dầu khí (PVC-Mekong)	25%	12.500.000.000
Công ty Cổ phần Thi công Cơ giới và Lắp máy Dầu khí (PVC-ME)	10%	13.058.333.333
Công ty Cổ phần Kinh doanh Dịch vụ Cao cấp Dầu khí Việt Nam (PVCR)	15%	19.182.831.667
Công ty Cổ phần Dầu khí Đông Đô (PVC-Đông Đô)	5%	16.776.732.500
Công ty Cổ phần Bất động sản Xây lắp Dầu khí Việt Nam (PVC-Land)	4%	5.348.870.744
Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Thanh Hoá (PVC-Thanh Hóa)	5%	3.780.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***29. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Lỗ chuyển nhượng cổ phần	4.660.550.000	-
Chi phí lãi vay	125.767.757.173	61.853.876.760
Trích lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	68.926.069.310	22.940.422.974
Phí bảo lãnh	1.243.545.977	2.852.975.103
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	-	11.096.957.073
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	206.400.652
Chi phí tài chính khác	1.008.587.117	2.779.642.664
	201.606.509.577	101.730.275.226

30. LỢI NHUẬN KHÁC

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Chênh lệch đánh giá lại tài sản cố định	-	104.347.670.064
Thu từ thanh lý tài sản cố định	537.631.583	9.456.626.518
Các khoản thu nhập khác	2.140.274.543	15.087.774.715
Thu nhập khác	2.677.906.126	128.892.071.297
Giá trị còn lại của tài sản cố định đã thanh lý	515.749.416	9.305.109.624
Các khoản chi phí khác	1.356.451.154	6.536.128.803
Chi phí khác	1.872.200.570	15.841.238.427
Lợi nhuận khác	805.705.556	113.050.832.870

31. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm 2011	Năm 2010
	VND	VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm hiện tại		
Lợi nhuận trước thuế	203.883.705.863	555.406.239.099
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(222.301.072.413)	(140.079.840.102)
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	222.301.072.413	140.079.840.102
Trừ: Chi phí không được khấu trừ năm trước chuyển sang	(6.168.007.284)	-
Cộng: Thu nhập không chịu thuế năm trước chuyển sang	1.321.714.224	-
Cộng: Chi phí không được khấu trừ năm nay	5.837.434.479	21.968.181.979
Cộng: Doanh thu chưa thực hiện	51.861.649.416	-
Thu nhập chịu thuế	34.435.424.285	437.294.580.976
Thuế suất thông thường	25%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp	8.608.856.071	109.323.645.244
Thuế suất hiện hành	25%	25%
Hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại	(330.428.556)	-
Thuế thu nhập hoãn lại	(11.423.410.533)	10.190.562.544

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MÃU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

32. CÁC KHOẢN CAM KẾT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2011, Tổng Công ty có các khoản cam kết góp vốn vào các đơn vị sau:

- Nhận chuyển nhượng 2.500.000 cổ phần của Tổng Công ty Tài chính Cổ phần Dầu khí Việt Nam (PVFC) tại Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải (PVC-Duyên Hải) với số tiền là 25 tỷ VND, tương đương với 13,71% vốn điều lệ.
- Theo Nghị quyết số 491/NQ-XLTK ngày 14 tháng 6 năm 2011 của Hội đồng Quản trị Tổng Công ty về việc phê duyệt danh mục các đơn vị thành viên của Tổng Công ty Cổ phần Xây lắp Dầu khí Việt Nam, đối với các công ty con chưa đạt tỷ lệ sở hữu 36% vốn điều lệ, Tổng Công ty cam kết tăng tỷ lệ sở hữu vốn lên trên 36% vốn điều lệ; đối với các Công ty liên kết chưa đạt tỷ lệ sở hữu 30% vốn điều lệ, Tổng Công ty cam kết tăng tỷ lệ sở hữu lên 30% vốn điều lệ.

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 18 và 22 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của Tổng Công ty (bao gồm vốn góp, các quỹ dự trữ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ tại ngày	
	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.241.949.240	200.898.593.241
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.905.362.829.689	1.526.248.893.629
Đầu tư ngắn hạn	6.936.563.433	450.378.533.699
Đầu tư dài hạn	532.376.021.999	582.477.617.233
Tổng cộng	2.658.917.364.361	2.760.003.637.802
Công nợ tài chính		
Các khoản vay và nợ	1.636.556.576.516	1.436.910.650.751
Phải trả người bán và phải trả khác	582.088.675.387	806.435.668.285
Chi phí phải trả	340.683.699.114	140.758.279.104
Tổng cộng	2.559.328.951.017	2.384.104.598.140

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Các loại công cụ tài chính (Tiếp theo)**

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Tổng Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Tổng Công ty không thực hiện biện pháp đảm bảo do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:

	Công nợ		Tài sản	
	31/12/2011	31/12/2010	31/12/2011	31/12/2010
	VND	VND	VND	VND
Đô la Mỹ (USD)	-	-	1.612.471.060	16.687.914.300
Euro (EUR)	-	-	219.968	220.724

Quản lý rủi ro lãi suất

Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Tổng Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Tổng Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Tổng Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Quản lý rủi ro về giá

Tổng Công ty chịu rủi ro về giá của công cụ vốn phát sinh từ các khoản đầu tư vào công cụ vốn. Các khoản đầu tư vào công cụ vốn được nắm giữ không phải cho mục đích kinh doanh mà cho mục đích chiến lược lâu dài. Tổng Công ty không có ý định bán các khoản đầu tư này.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo***33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Rủi ro tín dụng thị trường (Tiếp theo)***Quản lý rủi ro về giá hàng hóa*

Tổng Công ty mua nguyên vật liệu, hàng hóa từ các nhà cung cấp trong và ngoài nước để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy, Tổng Công ty sẽ chịu rủi ro từ việc thay đổi giá bán của nguyên vật liệu, hàng hóa. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng Công ty. Tổng Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Tổng Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có khoản rủi ro tín dụng tập trung khá lớn từ khoản phải thu các bên liên quan. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị ghi sổ của số dư phải thu các bên liên quan như trình bày tại Thuyết minh số 7.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Bảng dưới đây trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Dòng tiền lãi đối với lãi suất thả nổi, số tiền chưa chiết khấu được bắt nguồn theo đường cong lãi suất tại cuối kỳ kế toán. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	324.953.738.254	257.134.937.133	582.088.675.387
Chi phí phải trả	340.683.699.114	-	340.683.699.114
Các khoản vay	1.634.056.397.458	-	1.634.056.397.458
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	1.428.673.752	1.071.505.306	2.500.179.058
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Phải trả người bán và phải trả khác	806.435.668.285	-	806.435.668.285
Chi phí phải trả	140.758.279.104	-	140.758.279.104
Các khoản vay	1.363.589.397.941	69.392.400.000	1.432.981.797.941
Công nợ tài sản tài chính đi thuê	1.428.673.752	2.500.179.058	3.928.852.810

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

CÔNG TY
 HỮU HẠN
 PETRO
 AM
 PH
 H

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẮP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm
 Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**MÃ SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

33. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Tổng Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

31/12/2011	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	214.241.949.240	-	214.241.949.240
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.905.362.829.689	-	1.905.362.829.689
Đầu tư tài chính	6.936.563.433	532.376.021.999	539.312.585.432
31/12/2010	Dưới 1 năm VND	Từ 1 - 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	200.898.593.241	-	200.898.593.241
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.526.248.893.629	-	1.526.248.893.629
Đầu tư tài chính	450.378.533.699	582.477.617.233	1.032.856.150.932

34. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Theo Thông báo số 269/DKVN-TCNS ngày 13 tháng 02 năm 2012, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam có chủ trương tách Công ty Cổ phần Kết cấu Kim loại và Lắp máy Dầu khí Việt Nam (PVC-MS) khỏi Tổng Công ty để thành lập Tổng Công ty chuyên ngành về chế tạo và xây lắp các công trình dầu khí biển trên cơ sở tổ chức lại các đơn vị: PVC-MS, PTSC-M&C, PV Shipyard và PVSB trong giai đoạn 2012 – 2015. Tuy nhiên, trong khi chờ Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phương án tái cấu trúc Tập đoàn, Tổng Công ty vẫn kiểm soát PVC-MS và đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh của PVC-MS được thực hiện bình thường. Theo đó, chưa có bất kỳ điều chỉnh nào trong báo cáo tài chính năm 2011 liên quan đến sự kiện nêu trên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2012, Tổng Công ty có Báo cáo số 797/BC-XLKD gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước (UBCKNN) báo cáo kết quả chào bán cổ phiếu ra công chúng. Theo đó, Tổng Công ty đã chào bán thành công 150 triệu cổ phần (bao gồm 12,5 triệu cổ phần trả cổ tức bằng cổ phiếu), nâng vốn điều lệ lên 4.000.000.000.000 VND. Trong đó, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (PetroVietnam) góp thêm 1.100.000.000.000 VND (theo Nghị quyết số 2068/NQ-DKVN ngày 16 tháng 3 năm 2012) nâng số cổ phiếu PetroVietnam nắm giữ lên 213.022.222 cổ phần (chiếm 53,26%). Như vậy, tính đến thời điểm phát hành báo cáo tài chính này, trong tổng số 250 triệu cổ phiếu được UBCKNN phê duyệt phát hành thêm ra công chúng, Tổng Công ty chưa thực hiện phát hành 100 triệu cổ phiếu cho đối tác chiến lược theo phê duyệt này.

35. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

Do ảnh hưởng của những biến động trong nền kinh tế, ngành nghề hoạt động của Tổng Công ty đang chứa đựng các rủi ro về sự biến động giá thị trường của các loại nguyên vật liệu dùng cho thi công. Những thay đổi lớn về giá nguyên vật liệu thi công có thể ảnh hưởng lớn đến những lợi ích và nghĩa vụ kinh tế của Tổng Công ty. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty cho rằng sự thay đổi của thị trường cũng như ảnh hưởng của các chính sách quản lý vĩ mô của Chính phủ là rất khó dự đoán. Vì vậy, Ban Tổng Giám đốc Tổng Công ty không thể lượng hóa được ảnh hưởng của vấn đề này đối với các công trình đang thi công của Tổng Công ty. Kết quả cuối cùng sẽ chỉ được xác định khi hoàn thành thi công, và nghiệm thu bàn giao cho các chủ đầu tư.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY LẬP DẦU KHÍ VIỆT NAM

Tầng 25, tòa nhà C.E.O, đường Phạm Hùng, huyện Từ Liêm

Thành phố Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

36. SỐ LIỆU SO SÁNH

Số liệu so sánh là số liệu trên báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2010.



[Handwritten signature]

PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature]
Tông Giám đốc

Ngày 09 tháng 4 năm 2012

[Handwritten signature]

Phạm Tiến Đạt
Kế toán trưởng

